

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 13 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH NA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hiền Lương

Ông Nguyễn Phương Phú

Thư ký phiên tòa : Ông Trần Văn Thỏa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương xét xử công khai vụ án thụ lý số 152/ 2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT: Thôn Cẩm Thái, xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Nơi ĐKNKTT: Thôn Cẩm Thái, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951

Địa chỉ; Xóm Liên Đức, xã Thanh Liên, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

2, Ông Nguyễn Hữu Nh, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn Cẩm Thái, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

3, Bà Nguyễn Thị Tư, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 22, đường Nguyễn Khuyến, phường Đô Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

4, Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Cẩm Thái, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

5, Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 25, ngõ 179, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

6, Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: B52, khu đô thị Sài Gòn Sky, số 434c, đường Phan Chu Trinh, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

7, Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Cẩm Thái, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Văn, huyện TC, tỉnh NA vào ngày 18 tháng 5 năm 2006.

Sau khi kết hôn xong vợ chồng về làm ăn, sinh sống tại Thôn Cẩm Thái, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất kể từ năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tình tình không hợp nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng là không còn nữa nên nguyện vọng của anh là muốn được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 25 tháng 2 năm 2011. Nay ly hôn nguyện vọng của anh là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu H, còn cháu Nguyễn Hữu H giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về phân chia tài sản: Vợ chồng anh có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead Biển kiểm soát 37E1-44285 mang tên chị Nguyễn Thị T trị giá 30.000.000 đồng. Hiện nay chị Nguyễn Thị T đang sử dụng.

Một ngôi nhà cấp 4 đổ mái bằng trên lợp ngói chống nóng, làm vào năm 2018. Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2, xã Đại Đồng (xã Thanh Văn cũ), huyện TC, tỉnh NA đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu C là ông nội của anh. Trị giá ngôi nhà là 600.000.000 đồng.

Về nợ: Hiện nay vợ chồng còn nợ chị Nguyễn Thị H, số tiền 50.000.000 đồng. Vay vào thời điểm làm nhà.

Nay ly hôn nguyện vọng của anh về tài sản là thừa đất trả lại cho đồng sử dụng là con của ông Nguyễn Hữu C. Còn ngôi nhà vẫn tiếp tục giao cho anh và anh sẽ trích phần giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị T. Ngoài ra anh sẽ hỗ trợ về chỗ ở ban đầu cho chị Nguyễn Thị T với số tiền là 150.000.000 đồng. Còn số nợ của chị Hồng anh tự nguyện chịu trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H mà không liên quan đến chị Nguyễn Thị T.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị T.

Chị thừa nhận điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như anh Nguyễn Hữu Đ đã trình bày. Sau khi kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Văn, huyện TC, tỉnh NA vào ngày 18 tháng 5 năm 2006 thì vợ chồng anh, chị sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do thiếu hiểu biết và cảm thông với nhau trong cuộc sống.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc anh Nguyễn Hữu Đ xin ly hôn với chị thì chị hoàn toàn nhất trí.

Về trách nhiệm nuôi con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 25 tháng 2 năm 2011. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu H và yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho mỗi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead Biền kiểm soát 37E1-44285 mang tên chị Nguyễn Thị T trị giá bao nhiêu thì chị không rõ. Hiện nay chị đang sử dụng.

Một ngôi nhà cấp 4 đổ mái bằng trên lợp ngói chống nóng, làm vào năm 2018. Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2, xã Đại Đồng (xã Thanh Văn cũ), huyện TC, tỉnh NA đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu C là ông nội của anh Nguyễn Hữu Đ. Trị giá ngôi nhà bao nhiêu thì chị không rõ.

Nếu vợ chồng ly hôn nhau nguyện vọng của chị về tài sản là chị xin các con của ông Nguyễn Hữu C là những người đồng thừa kế mảnh đất đó cho phép chị được ở lại trong ngôi nhà để nuôi dạy con cái.

Còn số nợ của chị Nguyễn Thị H thì bản thân chị không nắm rõ có nợ hay không.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S.

Bố mẹ của các ông bà là ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C sinh được 06 người con gồm ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S. Năm 2002 thì ông Nguyễn Hữu C chết, đến năm 2020 thì bà Nguyễn Thị C chết. Khi bố mẹ của các ông, bà là ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C chết thì không để lại di chúc. Tài sản chung của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C là thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2 xã Đại Đồng (Thanh Văn cũ), huyện TC, tỉnh NA. Hiện nay khối tài sản thừa kế của bố, mẹ các ông, các bà vẫn chưa được phân chia. Quá trình anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T xây dựng ngôi nhà trên thửa đất đó thì không được đồng ý của các ông và các bà.

Nay vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T ly hôn nhau thì các ông, các bà yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại thửa đất đó cho các ông, các bà và không yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng cho bất cứ cá nhân nào mà giao chung cho các con của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H:

Bản thân chị là chị dâu của anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T. Vào ngày 13 tháng 6 năm 2018 chị có cho chị Nguyễn Thị T vay với số tiền là 50.000.000 đồng. Khi vay thì giữa các bên không làm giấy tờ gì cả mà chị Tâm chỉ ký vào sổ theo dõi nợ của chị. Khi vay chị Tâm nói là vay để làm nhà. Thời điểm vay anh Nguyễn Hữu Đ không có ở nhà. Nay anh Nguyễn Hữu Đ và chị

Nguyễn Thị T ly hôn nhau thì chị yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại cho chị số tiền này và chị không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý giải quyết cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án hoàn toàn tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, Điều 37, Điều 48, Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về trách nhiệm nuôi con chung: Giao anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu Đ về việc chấp nhận trả số nợ 50.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu Đ về việc hỗ trợ chỗ ở cho chị Nguyễn Thị T với số tiền 150.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T phải trả lại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA cho các ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S.

Giao cho anh Nguyễn Hữu Đ được sử dụng ngôi nhà cấp 4 trên đồ bê tông, lợp ngói chống nóng được làm trên thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA. Nhưng anh Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch giá trị tài sản .

Chị Nguyễn Thị T được quyền sử dụng một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead và số tiền chênh lệch trị giá tài sản do anh Nguyễn Hữu Đ giao lại.

Về chi phí thẩm định và định giá: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá của anh Nguyễn Hữu Đ.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm,

nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí phân chia tài sản theo quy định. Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí phân chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp Hôn nhân gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA. Cho nên việc thụ lý, giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Theo yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Đ về việc thẩm định và định giá tài sản đối với tài sản chung của vợ chồng. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA đã tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định và định giá tài sản vào ngày 20 tháng 12 năm 2022. Nhưng trong quá trình đó thì bị đơn chị Nguyễn Thị T cản trở không cho Hội đồng thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tiến hành theo quy định. Nên Hội đồng thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản không thể tiến hành được. Cho nên cần chấp nhận đối với giá mà nguyên đơn đã cung cấp.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Văn, huyện TC, tỉnh NA theo đúng quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với nhau hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh Nguyễn Hữu Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên có nguyện vọng được ly hôn với chị Nguyễn Thị T, còn chị Nguyễn Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này thì chỉ là hình thức chứ mục đích hôn nhân không đạt được cho nên cần chấp nhận cho anh Nguyễn Hữu Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm nuôi con: Hai bên thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03/7/2006 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 25/02/2011. Nay ly hôn nguyện vọng của anh Nguyễn Hữu Đ là muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu H, còn để chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu H và không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T nếu như vợ chồng ly hôn nhau nguyện vọng của chị là muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho mỗi con.

Xét thấy: Hiện nay 02 con của vợ chồng còn bé. Nếu giao cả 02 con cho một người nuôi dưỡng như ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị T thì sẽ gây khó khăn về việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu phát triển về mọi mặt. Cho nên cần chấp nhận ý kiến của anh Nguyễn Hữu Đ về việc giao cháu Nguyễn Hữu H cho anh Nguyễn Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hữu H cho chị

Nguyễn Thị T trực tiếp và không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp.

Về phân chia tài sản chung: Hai vợ chồng thống nhất có các tài sản chung sau:

Một ngôi nhà cấp 4 đồ bê tông, trên lợp ngói chống nóng làm năm 2018 trên thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2, xã Thanh Văn (nay là xã Đại Đồng), huyện TC, tỉnh NA đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu C là ông nội của anh Nguyễn Hữu Đ. Theo anh Nguyễn Hữu Đ ngôi nhà này hiện nay trị giá 600.000.000 đồng. Còn chị Nguyễn Thị T không biết trị giá ngôi nhà này bao nhiêu.

Một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại LEAD, biển kiểm soát 37E1-442.85 mang tên chị Nguyễn Thị T. Theo anh Nguyễn Hữu Đ chiếc xe này hiện nay trị giá 30.000.000 đồng. Còn chị Nguyễn Thị T không biết trị giá chiếc xe này bao nhiêu.

Ngoài ra theo anh Nguyễn Hữu Đ thì vợ chồng còn nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng. Vay vào thời điểm vợ chồng làm nhà. Nhưng chị Nguyễn Thị T không thừa nhận số nợ này.

Nay vợ chồng ly hôn nhau nguyện vọng của anh Nguyễn Hữu Đ là muốn trả lại phần đất tại thửa số 689, tờ bản đồ số 2 cho các con của ông Nguyễn Hữu C và anh xin nhận lại toàn bộ ngôi nhà đã xây dựng trên thửa đất và trích phần chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị T, còn chị Nguyễn Thị T xin được ở lại trên ngôi nhà và mảnh vườn đó. Còn các con của ông Nguyễn Hữu C là ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N, đề nghị vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại thửa đất mà anh chị đã làm nhà trên đó cho các con của ông Nguyễn Hữu C. Chị Nguyễn Thị H đề nghị vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại cho chị số tiền đã vay là 50.000.000 đồng.

Xét thấy ngôi nhà mà vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T đã xây dựng vào năm 2018 có trị giá theo anh Nguyễn Hữu Đ là 600.000.000 đồng được xây dựng trên thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu C. Đến năm 2002 ông Nguyễn Hữu C chết và đến năm 2020 thì vợ ông Nguyễn Hữu C là bà Nguyễn Thị C chết. Sau khi ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C chết đi thì phần di sản thừa kế này chưa được phân chia mà thuộc quyền sử dụng chung của các con của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C gồm ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S. Khi xây dựng ngôi nhà này không có tài liệu nào thể hiện việc anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T được quyền sử dụng thửa đất này. Nay vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T ly hôn nhau thì những người con của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C gồm ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn

Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại phần diện đất này cho những người con của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C mà không yêu cầu tháo dỡ ngôi nhà. Xét thấy yêu cầu của những người có quyền lợi liên quan trong vụ án Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S là có cơ sở chấp nhận cho nên cần buộc vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại phần diện tích đã xây dựng tại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2, xã ĐĐ, huyện TC, tỉnh NA cho những đồng sử dụng là Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S. Nhưng hiện nay ngôi nhà đã được xây dựng kiên cố, nếu buộc tháo dỡ sẽ làm mất đi giá trị của ngôi nhà cho nên cần giao lại cho anh Nguyễn Hữu Đ sử dụng. Nhưng anh Nguyễn Hữu Đ phải trích phần chênh lệch giá trị ngôi nhà cho chị Nguyễn Thị T là có cơ sở.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H về việc vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ chị Nguyễn Thị T có vay số tiền 50.000.000 đồng của chị. Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T không thừa nhận số nợ này. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện trả số nợ này cho chị Nguyễn Thị H. Xét thấy sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật cho nên cần chấp nhận buộc anh Nguyễn Hữu Đ trả cho chị Nguyễn Thị H số nợ 50.000.000 đồng

Đối với yêu cầu phân chia toàn bộ tài sản trên đất cho hai vợ chồng trên phương án cân đối bằng trị giá tài sản và để lại tài sản cho anh Nguyễn Hữu Đ và anh Nguyễn Hữu Đ trả lại phần giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn chính đáng cho nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S về việc đề nghị vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 02 đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Hữu C là hoàn toàn có cơ sở.

Vì vậy cần buộc anh anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại phần diện tích đất đã xây dựng các công trình trên thửa đất tại xã Thanh Văn (nay là xã Đại Đồng), huyện TC, tỉnh NA cho ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S là con của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C.

Như vậy tổng trị giá toàn bộ tài sản của vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T là 630.000.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Hữu Đ được quyền sử dụng ngôi nhà trị giá 600.000.000 đồng. Nhưng phải có nghĩa vụ trích lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch về tài sản là 275.000.000 đồng. Trị giá tài sản mà anh Nguyễn Hữu Đ được sử dụng là 315.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu Đ về việc hỗ trợ chỗ ở cho chị Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda LEAL trị giá 30.000.000 đồng và số tiền 285.000.000 đồng do anh Nguyễn Hữu Đ trích từ phần chênh lệch trị giá tài sản. Tổng trị giá tài sản mà chị Nguyễn Thị T được sử dụng là 315.000.000 đồng và số tiền anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện hỗ trợ chỗ ở ban đầu là 150.000.000 đồng.

[3] Về chi phí thẩm định và định giá: Anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí theo quy định.

[3] Về án phí : Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, và án phí phân chia tài sản theo quy định. Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí phân chia tài sản sơ thẩm theo quy định

[4] Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA tại phiên tòa. Xét thấy việc tuân theo quy định pháp luật và các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 33, Điều 37, Điều 48, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về trách nhiệm nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006 cho anh Nguyễn Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về chia tài sản chung và nợ:

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị T trả lại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 2 xã Thanh Văn (nay là xã Đại Đồng), huyện TC, tỉnh NA đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu C cho những người con của ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C gồm ông Nguyễn Hữu

Nh, ông Nguyễn Hữu Tr, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Tư, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S.

Buộc anh Nguyễn Hữu Đ phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Hữu Đ được quyền sử dụng ngôi nhà trị giá 600.000.000 đồng. Nhưng phải có nghĩa vụ trích lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch về tài sản là 285.000.000 đồng. Trị giá tài sản mà anh Nguyễn Hữu Đ được sử dụng là 315.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T được quyền chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA LEAL trị giá 30.000.000 đồng và số tiền 285.000.000 đồng do anh Nguyễn Hữu Đ trích từ phần chênh lệch trị giá tài sản. Tổng trị giá tài sản mà chị Nguyễn Thị T được sử dụng là 315.000.000 đồng và số tiền anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện hỗ trợ chỗ ở ban đầu là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu 2.000.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm thu tại Tòa án. Anh Nguyễn Hữu Đ đã nộp đủ chi phí thẩm định và định giá.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 15.750.000 đồng án phí phân chia tài sản. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009214 ngày 10 tháng 10 năm 2022. Buộc anh Nguyễn Hữu Đ phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 850.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 15.750.000 đồng án phí phân chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- UBND xã Đại Đồng (Nơi

ĐKKH)

- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Trường Giang